

Số: 204/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức tiền phạt cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại Nghị định này bao gồm:

- Vi phạm quy định về phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật;
- Vi phạm quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;
- Vi phạm quy định về kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;
- Vi phạm quy định về quản lý thuốc thú y;
- Vi phạm quy định về hành nghề thú y.

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG		
ĐẾN	Số: 1199	Ngày: 11/06/2026
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phung		X
PCT L.T.Kiên	146/2025/QH15;	X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiên		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực thú y không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực thú y trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã;

c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực thú y là phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y;

b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

d) Buộc phải lấy mẫu, xét nghiệm bệnh động vật;

đ) Buộc thực hiện việc kiểm dịch, kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật;

e) Buộc thực hiện việc nhập khẩu động vật đúng cửa khẩu; buộc tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật đúng cửa khẩu;

g) Buộc giết mổ bắt buộc động vật và xử lý nhiệt sản phẩm động vật;

h) Buộc kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật;

i) Buộc xử lý sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật;

k) Buộc tái xuất động vật, sản phẩm động vật;

l) Buộc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật;

m) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y không bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

n) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế;

o) Buộc thu hồi thuốc thú y và ghi nhãn theo đúng nội dung đã đăng ký;

p) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; Giấy chứng nhận tiêm phòng cho động vật; Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; Giấy chứng nhận GMP; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; Chứng chỉ hành nghề thú y (sau đây gọi chung là giấy phép) bị tẩy xóa,

sửa chữa, mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn;

q) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

r) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, Chứng chỉ hành nghề do hồ sơ khai man, không trung thực.

4. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp);

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp).

5. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp được thực hiện như sau:

Số lợi bất hợp pháp có được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng số tiền thu được sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp.

Căn cứ để xác định số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được xác định bằng (=) số lượng, khối lượng hàng hóa đã chuyển nhượng, tiêu thụ nhân (x) với đơn giá hàng hóa, dịch vụ trừ (-) chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa hoặc dịch vụ (nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó). Cụ thể:

Số lượng hàng hóa đã chuyển nhượng, tiêu thụ được xác định trên cơ sở

kê khai của tổ chức, cá nhân vi phạm và kiểm tra, xác minh của người có thẩm quyền xử phạt;

Đơn giá hàng hóa, dịch vụ được xác định trên cơ sở hồ sơ, chứng từ của tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ để xác định thì đơn giá được xác định theo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ tương tự tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp không xác định được số lượng, khối lượng, đơn giá thì số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.

6. Nguyên tắc xử phạt, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 25, khoản 2 Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2, điểm đ khoản 3, điểm d khoản 5, khoản 7 Điều 16; khoản 2 Điều 20 Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

8. Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y là 01 năm, trừ trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 1, khoản 2, điểm a và điểm d khoản 3 Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 2 Điều 29, khoản 4 và khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 2, điểm a và c khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 33, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 34, khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 2 và khoản 3 Điều 37 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm

2. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực thú y là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện, trừ trường hợp quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm với cá nhân thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 (hai) lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Hộ kinh doanh, hộ gia đình vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 (hai) lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương II HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1 VI PHẠM VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Tiểu mục 1 VI PHẠM QUY ĐỊNH CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Điều 6. Vi phạm quy định chung về phòng bệnh, chữa bệnh động vật

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Sử dụng thuốc thú y không có đơn thuốc đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định;

c) Sử dụng thuốc thú y mà phát hiện thuốc thú y gây hại cho động vật, môi trường và con người nhưng không báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thú y xã.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất hoặc thú y xã khi phát hiện và biết động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kết quả xét nghiệm xác định động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vứt động vật mắc bệnh chết và sản phẩm của chúng ra môi trường;

b) Buôn bán động vật giống mắc bệnh truyền nhiễm.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng;

c) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y;

d) Sử dụng nguyên liệu thuốc y tế hoặc thuốc y tế.

8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, xác động vật và sản phẩm của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định chung về chống dịch bệnh động vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khai báo không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy với mục đích trục lợi;

b) Khai báo không đúng số lượng, khối lượng vật tư, hóa chất để phòng, chống dịch bệnh động vật với mục đích trục lợi;

c) Cung cấp thông tin không chính xác về dịch bệnh động vật cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thú y xã.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật mắc bệnh với dịch bệnh đã công bố và sản phẩm của chúng qua vùng có dịch bệnh động vật mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền nơi có dịch.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tiêu hủy không đúng quy định hoặc không tiêu hủy động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc diện phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

b) Không chấp hành biện pháp xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, động vật có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm của động vật mang mầm bệnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vận

chuyển động vật mắc bệnh, sản phẩm hoặc chất thải của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đang được công bố ra khỏi vùng có dịch khi không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc giết mổ bắt buộc động vật và xử lý nhiệt sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật và chất thải của động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Tiểu mục 2

VI PHẠM VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM

Điều 8. Vi phạm về phòng bệnh động vật trên cạm

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc phòng bệnh bằng vắc-xin hoặc các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tiêm phòng vắc-xin phòng bệnh Đại cho động vật bắt buộc phải tiêm phòng;

b) Không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện cách ly, chăm sóc, chữa bệnh cho động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, trừ trường hợp cấm chữa bệnh hoặc phải giết mổ, tiêu hủy bắt buộc.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Không theo dõi, ghi chép quá trình phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận tiêm phòng cho động vật.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cơ sở chăn nuôi gia súc giống, gia cầm giống và bò sữa không chấp hành việc lấy mẫu giám sát định kỳ đối với một số bệnh truyền lây giữa động vật và người theo quy định.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giết mổ, mua bán động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch;

b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung ấp nở trứng gia cầm hoặc kinh doanh gia súc, gia cầm tại địa điểm không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận tiêm phòng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Buộc phải lấy mẫu, xét nghiệm bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được và buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.

Điều 9. Vi phạm về chống dịch bệnh động vật trên cạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi chữa bệnh cho động vật trong ổ dịch, vùng có dịch.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chăn thả động vật mắc bệnh dịch ở các bãi chăn chung;

b) Không chấp hành việc sử dụng vắc-xin hoặc các biện pháp phòng, chống dịch bắt buộc khác tại vùng có dịch.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh hoặc cơ sở đã được giám sát dịch bệnh động vật không tuân thủ tuyến đường vận chuyển ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giết mổ, lưu thông động vật, sản phẩm của động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố trong vùng có dịch không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Dùng phương tiện vận chuyển động vật hoặc thả động vật xuống vùng có dịch trong khi chỉ được phép đi qua;

c) Không thực hiện xử lý, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc sau giết mổ đối với cơ sở giết mổ, dụng cụ giết mổ, chất thải của động vật bị giết mổ bắt buộc;

d) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật đi giết mổ bắt buộc không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

đ) Giết mổ, xử lý động vật, xác động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh dịch đã được công bố trong vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm;

b) Mang đi tiêu thụ thân thịt, phụ phẩm, sản phẩm khác của động vật bị giết mổ bắt buộc chưa được xử lý bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

c) Chăn nuôi hoặc xuất bán động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền đã yêu cầu phải giết mổ bắt buộc hoặc tiêu hủy;

d) Không tiêu hủy hoặc giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

8. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

9. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh với dịch bệnh đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng mà không gây thiệt hại về tài sản.

10. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

12. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh với bệnh dịch đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng mà không gây thiệt hại về tài sản.

13. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

14. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ

quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

15. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu huỷ động vật mắc bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm đ khoản 4, các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều này;

c) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Tiểu mục 3

VI PHẠM VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Điều 10. Vi phạm về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

1. Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc không theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành khi có dịch bệnh xảy ra;

b) Không thực hiện chữa bệnh, thu hoạch hoặc xử lý động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm, chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành;

c) Thả mới hoặc thả bỏ sung động vật thủy sản mắc bệnh dịch đã công bố trong thời gian công bố dịch.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng động vật thủy sản để làm giống mang mầm bệnh hoặc mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu huỷ động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 2

VI PHẠM VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Tiểu mục 1

VI PHẠM QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Điều 11. Vi phạm quy định chung về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi đăng ký kiểm dịch không trung thực về các nội dung sau đây:

- a) Chủng loại động vật, sản phẩm động vật;
- b) Nguồn gốc xuất xứ, mục đích sử dụng của động vật, sản phẩm động vật;
- c) Thông tin về tiêm phòng vắc-xin, kết quả giám sát dịch bệnh hoặc an toàn dịch bệnh động vật;
- d) Kết quả xét nghiệm đối với động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký kiểm dịch khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

Điều 12. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển trước và sau khi kiểm dịch;
- b) Trốn tránh việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Đánh tráo hoặc làm thay đổi số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- b) Vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật không đúng chủng loại, số lượng ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- c) Tự ý tháo dỡ niêm phong phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật hoặc thay đổi mã số đánh dấu động vật trong quá trình vận chuyển;

d) Sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch không đúng với lô hàng động vật, sản phẩm động vật;

đ) Đưa động vật, sản phẩm động vật đến địa điểm không đúng địa chỉ nơi đến được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch;

e) Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán động vật, sản phẩm động vật sai mục đích sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện việc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật trong trường hợp kiểm dịch lại phát hiện động vật mắc bệnh hoặc sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 13. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật thủy sản giống vượt quá 10% về số lượng, không đúng chủng loại, kích cỡ ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch;

b) Đưa động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch ra khỏi vùng có dịch mà chưa được sơ chế, chế biến.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 (trừ động vật thủy sản giống); khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy động vật thủy sản giống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc phải sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Tiểu mục 2

VI PHẠM VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, TẠM NHẬP TÁI XUẤT, TẠM XUẤT TÁI NHẬP, CHUYỂN CỬA KHẨU, KHO NGOẠI QUAN, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Điều 14. Vi phạm quy định chung về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đăng ký, khai báo kiểm dịch không trung thực về một trong các nội dung sau đây:

a) Chủng loại động vật, sản phẩm động vật;

b) Nguồn gốc xuất xứ của động vật, sản phẩm động vật, mục đích sử dụng, phương tiện vận chuyển, địa chỉ nơi đến.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký, khai báo kiểm dịch khi nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;

b) Không đăng ký kiểm dịch khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch.

Điều 15. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển, bốc dỡ động vật, sản phẩm động vật;

b) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đã được kiểm dịch.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo hoặc thay đổi số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật đã được kiểm dịch.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật nhiều hơn số lượng, khối lượng ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu;

b) Nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn mang theo người ở dạng tươi sống, sơ chế; sản phẩm động vật thủy sản ở dạng tươi sống.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa sản phẩm động vật nhập khẩu với mục đích làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu đến cơ sở gia công chế biến không đúng địa điểm đã đăng ký;

b) Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm từ cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sản xuất được phép xuất khẩu vào Việt Nam nhưng trên nhãn bao bì không thể hiện hoặc thể hiện không đúng tên cơ sở sản xuất hoặc mã số cơ sở sản xuất theo danh sách đã được công bố, không phù hợp với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu;
- b) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng nguồn gốc xuất xứ theo nội dung đăng ký, khai báo kiểm dịch;
- c) Đưa động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch không đúng địa điểm hoặc không đúng số lượng đã được chấp thuận theo hồ sơ kiểm dịch;
- d) Không chấp hành thời hạn theo dõi cách ly kiểm dịch đối với động vật nhập khẩu;
- đ) Nhập khẩu sản phẩm động vật có nơi đến ghi trên bao bì sản phẩm không phải Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Để động vật nhập khẩu chưa hết thời gian cách ly kiểm dịch tiếp xúc với động vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam;
- b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật;
- c) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;
- d) Nhận hoặc gửi mẫu bệnh phẩm không được đóng gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không thu gom, xử lý xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật phát sinh trong quá trình vận chuyển theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;
- b) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;
- c) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển;
- d) Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm từ cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến không có tên trong danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào Việt Nam theo quy định.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản bị tạp nhiễm với sản phẩm của loài động vật khác.

7. Phạt tiền từ 10% đến 15% trị giá lô hàng nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu sản phẩm động vật có tồn dư chất độc hại vượt quá mức giới hạn cho phép hoặc nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép hoặc dương tính với đối tượng kiểm dịch;

b) Nhập khẩu sản phẩm động vật chưa làm sạch lông, da, móng và các tạp chất khác không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y về cảm quan;

c) Nhập khẩu sản phẩm động vật bị biến đổi về màu sắc, mùi vị, tạp nhiễm côn trùng, chảy nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.

8. Phạt tiền từ 20% đến 25% trị giá lô hàng nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;

b) Nhập khẩu động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành biện pháp xử lý vệ sinh thú y theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với động vật, sản phẩm động vật bị nhiễm mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

10. Phạt tiền đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và tác nhân gây bệnh cho động vật mà không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà chưa gây thiệt hại về tài sản;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc nhập khẩu động vật đúng cửa khẩu hoặc buộc tái xuất động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm động vật, mẫu bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều này;

c) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này trong trường hợp tái phạm;

d) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy hoặc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

đ) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này;

e) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, điểm d khoản 5, khoản 6, điểm c khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng (trừ thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cho động vật trên cạn)

1. Hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

2. Hành vi nhập khẩu mỗi loại sản phẩm thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không khai báo với cơ quan kiểm dịch động vật tại cửa khẩu xuất để giám sát việc tái xuất động vật, sản phẩm động vật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

b) Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng nguồn gốc xuất xứ ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Để động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh tiếp xúc với động vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật;

c) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

d) Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

b) Tự ý bóc dỡ động vật, sản phẩm động vật trước khi kiểm dịch;

c) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

d) Không thu gom, xử lý xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật phát sinh trong quá trình vận chuyển theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật đúng cửa khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Tiểu mục 3

VI PHẠM VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Điều 19. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, thuê, mượn Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không có Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và buộc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này (trừ động vật thủy sản giống);

b) Buộc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này (trừ động vật thủy sản giống);

c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp là động vật thủy sản giống hoặc trong trường hợp kiểm dịch phát hiện động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

Điều 20. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật chứng nhận không đúng loại hàng thực nhập hoặc ghi nơi đến không phải là Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại các loại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm

động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 3
VI PHẠM VỀ KIỂM SOÁT GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN;
SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT;
KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 22. Vi phạm về giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi người trực tiếp tham gia giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật không tuân thủ quy định về sức khỏe và thực hiện các quy trình vệ sinh trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở nhỏ lẻ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trang thiết bị, dụng cụ, nước sử dụng không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật tại cơ sở nhỏ lẻ;

b) Người trực tiếp tham gia giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật không tuân thủ quy định về sức khỏe và thực hiện các quy trình vệ sinh trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở tập trung;

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giết mổ động vật trên cạn trong Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ nhưng không được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm soát giết mổ trừ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ ở khu vực hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

b) Trang thiết bị, dụng cụ, nước sử dụng không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở tập trung;

c) Không có biện pháp hoặc không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu của nhân viên thú y về xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ.

6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật tại địa điểm không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật, thu hoạch động vật thủy sản, sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm trước thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm bằng hóa chất không được phép sử dụng hoặc có hàm lượng vượt mức giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật.

9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sơ chế, chế biến sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y;

b) Giết mổ động vật mắc bệnh, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định.

10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Giết mổ động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xử lý nhiệt và chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các khoản 6, 7 và 8 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5, 9 và 10 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.

Điều 23. Vi phạm vệ sinh thú y trong vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật bằng phương tiện không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

b) Phương tiện bày bán, vật dụng chứa đựng lưu giữ, bảo quản, buôn bán sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

c) Cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật không thực hiện vệ sinh vật dụng trước và sau khi bán hoặc không khử trùng, tiêu độc định kỳ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật;

b) Không thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Cơ sở kinh doanh sử dụng kho, thiết bị bảo quản sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật chết, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm để kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 60% đến 70% giá trị sản phẩm động vật nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm không có dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh

thú y, bao bì đánh dấu đã qua kiểm tra vệ sinh thú y.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm bằng hóa chất không được phép sử dụng hoặc có hàm lượng vượt mức giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y;

b) Kinh doanh sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. Trong trường hợp kiểm tra vệ sinh thú y không đạt yêu cầu buộc phải tiêu hủy hoặc xử lý nhiệt chuyên đổi mục đích sử dụng sản phẩm động vật;

b) Buộc xử lý nhiệt chuyên đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 6 và 7 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm

hành chính quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 24. Vi phạm vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh động vật, cơ sở thu gom động vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ không có nơi thu gom, xử lý nước thải, chất thải.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cơ sở thu gom động vật có một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm không cách biệt với khu dân cư, khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, các công trình công cộng;

b) Không có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật;

c) Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

d) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chợ chuyên kinh doanh động vật có một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm không theo quy hoạch của chính quyền địa phương;

b) Không có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật;

c) Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

d) Không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc theo quy định;

đ) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 25. Vi phạm vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật không cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất phù hợp;

b) Không có nơi riêng biệt để nuôi giữ động vật đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật;

c) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4 **VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y**

Tiểu mục 1 **VI PHẠM VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM THUỐC THÚ Y**

Điều 26. Vi phạm về thủ tục khảo nghiệm thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ tài liệu liên quan đến việc khảo nghiệm thuốc thú y theo quy định.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y;

b) Sử dụng Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y hết hiệu lực.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 27. Vi phạm về điều kiện khảo nghiệm thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi người phụ trách kỹ thuật sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có đủ diện tích chuồng, ao, bể nuôi để bố trí động vật bảo đảm

kết quả khảo nghiệm;

b) Không có đủ loại động vật, đủ số lượng đáp ứng được việc khảo nghiệm;

c) Không có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm;

d) Người phụ trách kỹ thuật không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở khảo nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

Điều 28. Vi phạm về điều kiện kiểm nghiệm thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm không cách biệt khu dân cư, công trình công cộng;

b) Người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm có Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

3. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hoặc có trang thiết bị máy móc, dụng cụ không bảo đảm cho việc lấy mẫu, phân tích, hiệu chỉnh và xử lý dữ liệu;

b) Không có nơi nuôi giữ động vật thí nghiệm;

c) Không có khu thử cường độ riêng biệt đối với vắc-xin, vi sinh vật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Tiểu mục 2

VI PHẠM VỀ SẢN XUẤT, BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Điều 29. Vi phạm về thủ tục trong sản xuất thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có hồ sơ lô sản xuất;
- b) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ sản xuất thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định;
- c) Hủy hồ sơ lưu trữ sản xuất thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất không theo quy định;
- d) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tài liệu, thông tin khai man, không trung thực trong hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc thú y đã được xét duyệt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 30. Vi phạm về điều kiện trong sản xuất, gia công, san chia thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy chứng nhận GMP; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y;
- b) Người trực tiếp quản lý sản xuất hoặc kiểm nghiệm sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi người trực tiếp quản lý sản xuất hoặc kiểm nghiệm không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

3. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc không bảo đảm diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường;
- b) Trang thiết bị không phù hợp với quy mô sản xuất, kiểm tra chất lượng đối với từng loại thuốc thú y.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y ngoài địa điểm đã được cấp Giấy chứng nhận GMP

hoặc không áp dụng điều kiện sản xuất GMP đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc Giấy chứng nhận GMP hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hết hiệu lực.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận GMP hoặc không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận GMP, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 31. Vi phạm về chất lượng trong sản xuất thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm tra chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm thuốc thú y trong quá trình sản xuất;

b) Không lưu mẫu thuốc thú y;

c) Không bảo quản, lưu giữ thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất riêng biệt theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70% đến 80% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y:

a) Không đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng về cảm quan, lý hoá, độ nhiễm khuẩn, vô khuẩn theo hồ sơ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép $\pm 10\%$ so với hàm lượng ghi trên nhãn hoặc có hàm lượng men vi sinh thấp hơn 90% so với hàm lượng ghi trên nhãn đối với sản phẩm thuốc thú y có chứa men vi sinh;

c) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 80% đến 90% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y:

a) Có hoạt chất không đúng theo hồ sơ đăng ký lưu hành với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng;

c) Vắc-xin thú y không bảo đảm một trong ba tiêu chuẩn vô trùng hoặc thuần khiết, an toàn, hiệu lực.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất, san chia, gia công thuốc thú y không thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế;

b) Thay đổi đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị, phương pháp, quy trình sản xuất của thuốc thú y.

5. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y bằng nguyên liệu không rõ nguồn gốc xuất xứ.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất mỗi loại thuốc thú y trên đây chuyên GMP chưa được cấp phép;

b) Sử dụng mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y sai mục đích.

7. Phạt tiền đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

8. Phạt tiền đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt

Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp không tái chế được, buộc phải tiêu hủy thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y, vắc-xin dùng trong thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này.

Điều 32. Vi phạm về thủ tục trong buôn bán thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có sổ sách, hoá đơn chứng từ theo dõi xuất, nhập hàng;

b) Không niêm yết giá bán thuốc thú y; niêm yết không đầy đủ mặt hàng thuốc thú y; bán không đúng giá niêm yết;

c) Không có đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định;

d) Không lưu trữ hóa đơn liên quan đến việc mua bán thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; đơn thuốc thú y tại cơ sở sau khi bán theo quy định.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Buôn bán thuốc thú y không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm;

b) Không bảo quản lưu giữ thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất riêng biệt theo quy định;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ số lượng thuốc thú y chứa chất ma túy, tiền chất đã nhập, bán, số lượng thuốc phải thu hồi, địa chỉ cơ sở mua, mục đích sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 33. Vi phạm về điều kiện trong buôn bán thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đủ điều kiện về địa điểm, kho chứa, trang thiết bị bảo quản thuốc thú y theo quy định;

b) Bán thuốc thú y chung khu vực hoá chất công nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc dùng cho người, lương thực, thực phẩm.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học:

a) Không có trang thiết bị, máy phát điện dự phòng để bảo quản theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;

b) Không có nhiệt kế, ẩm kế để kiểm tra điều kiện bảo quản;

c) Sử dụng vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin không bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;

d) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y;

đ) Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Buôn bán thuốc thú y không có cửa hàng địa điểm cố định;

b) Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý san chia mỗi loại thuốc thú y không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán hết hiệu lực.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 34. Vi phạm về chất lượng trong buôn bán thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y:

a) Không đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng về cảm quan, lý hoá, độ nhiễm khuẩn, vô khuẩn theo hồ sơ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng;

c) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y:

a) Có hoạt chất không đúng theo hồ sơ đăng ký lưu hành với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép $\pm 10\%$ so với hàm lượng ghi trên nhãn hoặc có hàm lượng men vi sinh thấp hơn 90% so với hàm lượng ghi trên nhãn đối với sản phẩm thuốc thú y có chứa men vi sinh;

c) Vắc-xin thú y không đảm bảo một trong các tiêu chuẩn vô trùng hoặc thuần khiết, an toàn, hiệu lực.

3. Phạt tiền đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y cho cơ sở không đủ điều kiện theo quy định;

b) Bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y hoặc mỗi loại nguyên liệu thuốc y tế hoặc mỗi loại thuốc y tế cho cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

c) Bán mỗi loại thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ sở buôn bán thuốc thú y không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định; cơ sở không được phép hành nghề khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật; người sử dụng không có đơn thuốc thú y theo quy định.

5. Phạt tiền đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y; vắc-xin dùng trong thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 35. Vi phạm về thủ tục trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có sổ sách, hoá đơn chứng từ, hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập khẩu đối với từng loại thuốc;

b) Không lưu giữ tài liệu có liên quan đến từng lô thuốc thú y theo quy định.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

b) Nhập khẩu mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

c) Nhập khẩu nguyên liệu thuốc thú y không đúng chủng loại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nhập khẩu mỗi loại thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất không có giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Nhập khẩu mỗi loại vắc-xin có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam nhưng không có giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 36. Vi phạm về điều kiện trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không đủ điều kiện về địa điểm theo quy định;
- b) Người quản lý sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực;
- c) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi người quản lý không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm; không có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm;

b) Bảo quản thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y không đúng theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn thuốc;

c) Không có kho riêng bảo quản, máy phát điện dự phòng, trang thiết bị theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;

d) Sử dụng phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin không đủ điều kiện bảo quản theo quy định;

đ) Không có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc;

e) Không bảo quản thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất tại kho, tủ riêng theo quy định; để cùng các thuốc, nguyên liệu làm thuốc khác, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và các sản phẩm khác;

g) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả nhập khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

h) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y hết hiệu lực.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 37. Vi phạm về chất lượng trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thuốc, nguyên liệu thuốc thú y không đạt tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất công bố.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y nhập khẩu cho cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y hoặc cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hoặc cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán mỗi loại thuốc thú y nhập khẩu có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ sở buôn bán thuốc thú y không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định, cơ sở không được phép hành nghề khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ việc nhập khẩu thuốc thú y từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ việc nhập khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 38. Vi phạm về nhãn sản phẩm thuốc thú y

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi ghi

nhãn sản phẩm không đúng nội dung đã đăng ký, ghi đạt chứng nhận GMP khi chưa được cấp Giấy chứng nhận GMP theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả.

Buộc thu hồi thuốc thú y và ghi nhãn theo đúng nội dung đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5 **VI PHẠM VỀ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Điều 39. Vi phạm về thủ tục trong hành nghề thú y

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Tẩy xoá, sửa chữa nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y;
- b) Sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, thuê, mượn Chứng chỉ hành nghề thú y.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y không có Chứng chỉ hành nghề thú y.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi khai man hồ sơ để xin cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 40. Vi phạm về hoạt động trong hành nghề thú y

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Hành nghề không đúng ngành nghề, phạm vi chuyên môn ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y;
- b) Không cung cấp thông tin kịp thời hoặc đột xuất khi có dịch bệnh động

vật thuộc Danh mục các bệnh động vật phải công bố dịch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không tham gia các hoạt động phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép để phòng, chữa bệnh cho động vật;

b) Sử dụng các loại thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y hết hạn sử dụng để phòng, chữa bệnh cho động vật;

c) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y hoặc nguyên liệu thuốc y tế hoặc thuốc y tế để phòng, chữa bệnh cho động vật;

d) Kê đơn thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam;

đ) Không thực hiện kê đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam để phòng, chữa bệnh cho động vật;

b) Chữa bệnh cho động vật mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh hoặc mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định phải tiêu hủy, giết mổ bắt buộc;

c) Chữa bệnh cho động vật trong vùng có dịch hoặc ở nơi có động vật mắc bệnh truyền nhiễm không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 03 tháng đến 06

thắng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

Chương III **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM VÀ** **LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 41. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y và một số chức danh khác

1. Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm Ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm Ngư thành lập, khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập, khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 43. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát Cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước

ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình

chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 44. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình

chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 45. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 46. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

- a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 47. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến

5.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 48. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường

1. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 6; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 8; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 22; khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 23; Điều 24; khoản 7, khoản 8 Điều 31 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 34 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Những người có thẩm quyền của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và

biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; khoản 8, khoản 9, khoản 10, Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12; Điều 13; Điều 14; điểm a khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3, khoản 8, khoản 9, khoản 10, Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 và khoản 1 Điều 37 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm a khoản 7 Điều 8; điểm a, điểm b và điểm c khoản 4, điểm a, điểm b và điểm c khoản 5, khoản 6, khoản 7, các khoản 8, 9, 10, 11, 12, 13 và khoản 14 Điều 9; khoản 2, 3 và 4 Điều 12; Điều 17; Điều 19; Điều 20; khoản 3, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 22; Điều 23; Điều 24; khoản 7 và 8 Điều 31; Điều 32; Điều 33; khoản 3, 4 và 5 Điều 34; Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 (trừ các hành vi về giết mổ, chăn nuôi).

Điều 49. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 41 đến Điều 47 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 46 và Điều 47 đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện hành vi vi

phạm trong lĩnh vực thú y có quyền lập biên bản vi phạm hành chính về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

3. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân quy định tại Điều 43, Điều 44 và Điều 45 Nghị định này trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

3. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điều 2 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

b) Điều 3 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y.

Điều 51. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra và đã kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm kết thúc hành vi vi phạm để xử lý.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xử phạt theo quy định của Nghị định này.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Điều 52. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Quốc Dũng